TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24-12-2021
V/v tranh chấp ly hôn và tranh chấp tiền hụi, tiền vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Huyền Thanh;

Ông Vũ Xuân Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Ngọc Ẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn và tranh chấp tiền hụi, tiền vay" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Anh Hồng Văn M, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Yến Ph, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau; chỗ ở hiện nay: Tổ 2, Khu phố Ô, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương (có đơn xin vắng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1953; Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có đơn xin vắng).

- Chị Huỳnh Hồng D, sinh năm 1984; Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có đơn xin vắng).

- Ông Phan Thanh S, sinh năm 1972; Địa chỉ: ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (có đơn xin vắng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Chị Huỳnh Hồng T1, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (có đơn xin vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, anh Hồng Văn M trình bày:

Tôi và chị Nguyễn Yến Ph thành hôn năm 2011, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống vợ chồng không hợp nhau nên vợ chồng tự nguyện sống ly thân từ năm 2017. Nay tình cảm không còn nên xin ly hôn với chị Ph.

Về con chung: Chưa có.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu và nợ trả: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoảng nợ trả của chị Huỳnh Hồng T1, do chị Ph thiếu nên chị Ph có trách nhiệm trả dần, vì lúc chị Ph đi ở nhà tôi có trả một số nợ nên không thể hỗ trợ cho chị Ph trả nợ cho chị T1.

Bị đơn chị Nguyễn Yến Ph trình bày ý kiến.

Tôi và anh M kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Quá trình chung sống, vợ chồng làm ăn thua lỗ dẫn đến nợ nần, đầu năm 2018 tôi đi làm ăn xa, thời gian này anh M có đến thăm 02 lần; từ hơn 02 năm nay thì vợ chồng không có gặp nhau và ly thân cho đến nay. Anh M xin ly hôn tôi đồng ý, vì hết tình cảm với nhau.

Về con chung: Chưa có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ trả: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có nợ chị Huỳnh Hồng T1 tiền hụi và tiền vay là 960.500.000 đồng. Do trước đây khi mới cưới về tôi làm thêm hụi để xoay sở trong gia đình, anh M đi làm việc lương tháng có hơn hai triệu không đủ trang trãi gia đình; tôi có hốt hụi cho anh M đi học ở Cà Mau, mua sắm tài sản trong nhà và trong làm hụi cũng có người hốt hụi không đóng hụi chết, từ đó thâm thủng ngày càng nhiều nên mới nhờ chị T1 vô hụi giùm và vay tiền chị T1. Trong số nợ trên có gửi trả 79.500.000 đồng, hiện còn nợ 881.000.000 đồng. Nay yêu cầu anh M cùng có trách nhiệm trả nợ, phần anh M trả 440.000.000 đồng, tôi trả 441.000.000 đồng. Trước đây do cộng nhầm nên

văn bản gửi cho Tòa án khai có nợ 614.000.000 đồng là không đúng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, chị Huỳnh Hồng T1 trình bày:

Từ năm 2015 đến cuối năm 2017, chị Ph có nhờ tôi vô hụi của nhiều người như ông Huỳnh Văn T, chị Huỳnh Hồng D, ông Phan Thanh S. Việc vô hụi giùm tôi có nói cho chủ hụi biết, chủ hụi có nói nếu tôi bảo lãnh thì cho vô, nên việc đóng hụi và nhận tiền hụi do tôi trực tiếp với chủ hụi, về đưa giấy giao hụi cho chị Ph ký nhận tiền hụi và tôi giữ giấy đó. Trách nhiệm bảo lãnh tôi đã thực hiện nghĩa vụ đối với các chủ hụi, chị Ph hốt hụi chưa đóng đủ còn nợ cụ thể:

- Nợ đối với hụi ông T 03 chân hụi chết là 111.000.000 đồng; nợ hụi chị D 150.000.000 đồng; nợ hụi ông S hụi ngày 02 dây 34.000.000 đồng.

- Tiền mượn tháng 8 năm 2017 âm lịch 62.500.000 đồng.

- Tiền vay: 525.000.000 đồng.

Tổng các khoản nợ là 960.500.000 đồng, chị Ph và anh M có gửi trả nhiều lần được 79.500.000 đồng, hiện còn nợ 881.000.000 đồng. Yêu cầu vợ chồng anh M, chị Ph có trách nhiệm liên đới trả khoản nợ trên, việc ai trả do Tòa án quyết định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Huỳnh Văn T trình bày: Chị T1 là con gái tôi, ở địa phương tôi có mở hụi và làm chủ hụi, tôi biết chị T1 vô hụi giùm chị Ph, vì danh sách hụi ghi tên Ph, nhưng do ở khác xã nên tôi giao cho chị T1 và buộc chị T1 chịu trách nhiệm đối với các chưng hụi của chị Ph thì tôi mới đồng ý cho vô hụi, việc chị T1 kiện chị Ph và anh M tôi không có ý kiến, vì chị T1 chịu trách nhiệm đối với các chưng hụi của chị Ph nên tôi không yêu cầu chị Ph có trách nhiệm với tôi.

- Chị Huỳnh Hồng D trình bày: Chị T1 là chị ruột của chị, năm 2017 chị T1 có vô 10 chân hụi ngày của 10 dây hụi giùm chị Ph và hốt hết 10 chân hụi số tiền là 150.000.000 đồng, mỗi ngày đóng hụi 200.000 đồng, đóng 100 ngày thì đủ. Hụi này không góp ngày nào, nhưng sau đó chị T1 có trả tiền mặt cho chị D là 200.000.000 đồng. Việc chị T1 kiện chị Ph và anh M không có ý kiến, vì không còn liên quan.

- Ông Phan Thanh S trình bày: Năm 2017, chị T1 có vô hụi ngày do tôi làm chủ, lúc vô hụi có nói vô hụi giùm chị Ph, vì chị T1 có kêu tôi đến gặp chị Ph gom hụi mấy lần. Khi vô hụi có thỏa thuận nếu chị Ph không đóng hụi chị T1 chịu trách nhiệm, nên thường gom hụi do chị T1 đóng, hiện nay hụi mãn và chị T1 đã đóng hụi đầy đủ nên tôi không đặt ra yêu cầu.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn trình bày: Vẫn bảo lưu yêu cầu khởi kiện ly hôn;

Về con chung chưa có; tài sản có 3,1 héc ta đất rừng tôm nhưng không đặt ra yêu cầu về chia tài sản chung.

Đối với khoản nợ chị T1, anh M cũng thừa nhận khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, nhưng do lúc cho vay và vô hụi giùm thì chị T1 không cho anh biết, đến khi chị Ph bể nợ bỏ đi thì chị T1 có điện nói và chị Ph cũng có điện về nói là có thiếu nợ chị T1 và anh có trả cho chị T1 mười mấy triệu đồng; chị T1 khởi kiện trách nhiệm trả nợ là của chị Ph, anh M không đồng ý gánh vát tiếp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có kiến nghị.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Hồng Văn M, anh M được ly hôn với chị Nguyễn Yến Ph.

Về con chung không có; về tài sản chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Huỳnh Hồng T1, buộc anh M và chị Ph cùng có trách nhiệm trả nợ cho chị T1. Anh M trả 440.000.000 đồng; chị Ph trả 441.000.000 đồng.

Án phí: Anh M và chị Ph phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn chị Nguyễn Yến Ph; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T, chị Huỳnh Hồng D, ông Phan Thanh S và chị Huỳnh Hồng T1 có đơn xin xét xử vắng mặt yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Về nội dung:

** Xét yêu cầu của anh Hồng Văn M, về việc xin ly hôn với chị Nguyễn Yến Ph:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hồng Văn M và chị Nguyễn Yến Ph thành hôn vào năm 2011, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T –

huyện N – tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 10 quyển số 01/2011, ngày 04 tháng 3 năm 2011 của UBND xã T, vì vậy quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống với nhau anh chị có những bất hòa không tự hàn gắn được, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, dẫn đến mất hạnh phúc, anh chị sống ly thân nhiều năm. Trong thời gian sống ly thân cũng không giải quyết được mâu thuẫn, anh M yêu cầu ly hôn, chị Ph đồng ý. Xét thấy, sự thỏa thuận về thuận tình ly hôn của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Tuy nhiên, do phía chị Ph có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử không ghi nhận thuận tình ly hôn mà cho các đương sự ly hôn theo yêu cầu của một bên là phù hợp.

[2] Về con chung: Hai đương sự xác định chưa có con chung nên không đặt ra xem xét.

[3] Về chia tài sản chung: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự "*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*", do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Trường hợp các đương sự không thỏa thuận được có tranh chấp về chia tài sản thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác "Chia tài sản sau ly hôn".

** Xét yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Hồng T1:*

[4] Chị T1 cho rằng năm 2015 chị vô hụi và vay tiền giùm vợ chồng chị Ph và anh M, đến cuối năm 2017 chị Ph đi thì có chốt nợ lại, vợ chồng chị Ph còn nợ là 960.500.000 đồng, chị Ph và anh M có gửi trả nhiều lần được 79.500.000 đồng, còn nợ 881.000.000 đồng. Hiện nay, vợ chồng chị Ph ly hôn, chị T1 làm đơn khởi kiện nên có cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện của chị T1.

Chị T1 khởi kiện vợ chồng chị Nguyễn Yến Ph về khoản nợ hụi do vô giùm và nợ vay chưa trả, chị Ph thừa nhận có nợ tiền chị T1, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Xét yêu cầu của chị T1: Chị T1 cho rằng việc vay nợ và vô hụi giùm đôi bên có đối chiếu nợ với nhau, chị Ph và anh M có gửi trả một phần hiện còn nợ 881.000.000 đồng, yêu cầu vợ chồng chị Ph liên đới thanh toán, yêu cầu của chị T1 được chị Ph đồng ý nên Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Khoản tiền nợ của chị T1 được chị Ph thừa nhận tại biên bản ghi lời trình bày của đương sự ngày 06/12/2021 (bút lục số 76, 77).

- Các chủ hụi cũng khẳng định có việc chị T1 vô hụi giùm chị Ph (bút lục số 44, 68, 85).

- Tại phiên tòa, anh M cũng xác định chị Ph chỉ nội trợ gia đình không có mua bán và cũng không có cờ bạc hay số đề dẫn đến thất thoát kinh tế gia đình.

Từ lý do trên có cơ sở khẳng định khoản nợ chị T1 881.000.000 đồng là nợ chung của chị Ph và anh M nên buộc anh chị có trách nhiệm thanh toán cho chị T1 là phù hợp.

Do anh chị được cho ly hôn nên khoản nợ cần chia ra mỗi người trả ½ là phù hợp. Chị Ph xin trả 441.000.000 đồng cho chị T1, còn 440.000.000 đồng anh M có trách nhiệm trả, nghĩa là phần chị trả nhiều hơn phần anh M 500.000 đồng. Xét yêu cầu này của chị Ph là tự nguyện nên được chấp nhận.

Buộc chị Ph có trách nhiệm trả cho chị T1 khoản tiền nợ là 441.000.000 đồng; anh M có trách nhiệm trả cho chị T1 khoản tiền nợ là 440.000.000 đồng.

Lãi suất: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Kể từ ngày chị T1 có đơn yêu cầu thi hành án, đương sự chậm thanh toán tiền còn phải chịu lãi suất chậm thi hành án, tương ứng với số tiền chậm trả.

[5] Xét lời trình bày của anh M về khoản nợ của chị T1:

Anh M cho rằng thu nhập từ lương của anh đủ vợ chồng chi tiêu hàng tháng nếu chi tiết kiệm; nợ nần với chị T1, chị Ph giữ sổ sách anh không biết, lúc cho vay và chơi hụi giùm không cho anh hay, nên anh không đồng ý chịu trách nhiệm, vì anh cũng có trả một số nợ sau khi chị Ph bỏ đi. Thấy rằng:

- Anh M không chứng minh được việc chị Ph vay tiền, hốt hụi sử dụng việc riêng.

- Khi khởi kiện anh M không yêu cầu về tài sản, nợ thu và nợ trả, do đó anh M cho rằng có trả nợ chung của vợ chồng khoảng hơn 40 mươi triệu đồng; anh M không chứng minh được đã trả những khoản nợ khác của vợ chồng nhiều hơn số nợ vợ chồng nợ chị T1. Trường hợp anh M đã trả nợ chung vợ chồng cho các chủ nợ khác, nếu anh chứng minh được thì anh có quyền khởi kiện yêu cầu chị Ph hoàn trả lại anh ½ số tiền anh trả nợ.

- Tại phiên tòa, anh M xác nhận thu nhập anh từ lương viên chức mỗi tháng hơn 3 triệu đồng đủ chi tiêu cho vợ chồng và đủ trang trải cho anh đi học. Lời trình bày của anh M là không phù hợp, bởi lẽ: Trong thời gian chung sống, ngoài chi phí sinh hoạt gia đình cho vợ chồng, anh M còn đi học chuyên môn nghiệp vụ 03 năm từ năm 2014 – 2016, chi phí học và khoản học phí phải đóng

khi học đều từ tiền lương thì không thể đủ. Do đó việc chị Ph trình bày có làm chủ hụi để có thêm thu nhập là có cơ sở được chấp nhận.

Mặt khác, theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định trách nhiệm liên đới của vợ, chồng; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó buộc anh M có trách nhiệm liên đới cùng chị Ph thanh toán tiền vay và tiền hụi cho chị T 881.000.000 đồng là phù hợp.

[6] Đối với tranh chấp tiền giữa chị T1 với vợ chồng chị Ph và anh M, anh Lê Hữu T2 là chồng chị T1 xác định khoản tiền chị T1 và vợ chồng chị Ph giao dịch với nhau không phải nguồn tiền chung của vợ chồng nên không đặt ra yêu cầu. Do anh T2 không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng là có căn cứ.

[7] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch anh M phải chịu 300.000 đồng, có nộp tạm ứng án phí được đối trừ.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Ph và anh M phải chịu toàn bộ đối với yêu cầu của chị T1 được chấp nhận, cụ thể:

- Chị Ph chịu án phí trên tổng số tiền phải trả 441.000.000 đồng, án phí phải chịu là 21.640.000 đồng.

- Anh M chịu án phí trên tổng số tiền phải trả 440.000.000 đồng, án phí phải chịu là 21.600.000 đồng.

Chị T1 không phải chịu án phí, có nộp tạm ứng án phí được nhận lại toàn bộ.

Ý kiến của kiểm sát viên là có cơ sở được chấp nhận toàn bộ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 466, Điều 471 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường; Điểm a khoản 5 Điều 27; khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hồng Văn M về việc xin ly hôn với chị Nguyễn Yến Ph. Cho anh Hồng Văn M được ly hôn với chị Nguyễn Yến Ph.

- Về con chung: Chưa có.

- Về chia tài sản chung: Hai đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Hồng T1, về việc yêu cầu anh Hồng Văn M và chị Nguyễn Yến Ph thanh toán tiền vay, tiền hụi.

Buộc anh Hồng Văn M và chị Nguyễn Yến Ph có trách nhiệm thanh toán cho chị T1 881.000.000 đồng tiền vay và tiền hụi. Trong đó: Anh M thanh toán 440.000.000 đồng; chị Ph thanh toán 441.000.000 đồng.

Chị T1 được nhận 881.000.000 đồng tiền vay và tiền hụi do anh M và chị Ph trả. Trong đó anh M trả 440.000.000 đồng, chị Ph trả 441.000.000 đồng.

Kể từ ngày chị T1 có đơn yêu cầu thi hành án, anh M và chị Ph chậm thi hành, anh chị còn chịu lãi suất chậm thi hành án trên tổng số tiền chậm thi hành, mức lãi suất theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng anh M phải chịu, có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0007716 ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, án phí hôn nhân anh M đã nộp đủ.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, anh M chịu 21.600.000 đồng; chị Ph chịu 21.640.000 đồng.

Chị T1 có nộp tạm ứng án phí 19.215.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ngày 16/8/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được nhận lại toàn bộ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm, đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THA DS huyện Năm Căn;
- UBND xã T, huyện N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Đính